

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **22/2019/DSST**

Ngày 27/9/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Huỳnh Tòa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Lê Quang Thìn**

Ông Nguyễn Viết Xứng

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trương Văn Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* **Ông Tạ Văn Phú**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự Th lý số: 93 /2018/TLST - DS ngày 26/10/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-DS ngày 09/9/2019 của TAND huyện Đồng Phú, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T-SN 1966 (có mặt)

Ông Vũ Xuân Th-SN 1964 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đội 2, ấp Phước T, xã Tân Ph, huyện Đồng Phú, Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Trương Thị H-SN 1976 (vắng mặt)

Ông Đỗ Văn N-SN 1970(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đội 2, ấp Phước T, xã Tân Ph, huyện Đồng Phú, Bình Phước.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Vũ Tuấn A-SN 1993(Xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Đội 2, ấp Phước T, xã Tân Ph, huyện Đồng Phú, Bình Phước..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2018 của nguyên đơn bà Trịnh Thị T, ông Th và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình này:*

Vào ngày 18/7/2018 vợ chồng bà Trương Thị H, ông Đỗ Văn N có vay của bà T, ông Th số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay, không ghi thời hạn trả nợ nhưng có thỏa Thuận khi nào lấy lại báo trước cho bà H, ông N biết.

Ngày 21/8/2018 bà H, ông N vay tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay nhưng có thỏa Thuận khi nào lấy báo trước cho bà H, ông N. Việc vay mượn có lập giấy viết tay do vợ chồng ông N, bà H ký nhận. Sau khi vay đến ngày 07/9/2018 bà H, ông N có trả cho vợ chồng bà T, ông Th số tiền gốc 70.000.000 đồng, vợ chồng bà T, ông Th yêu cầu trả hết số nợ còn lại là 1.430.000.000 đồng nhưng ông N, bà H vẫn không trả. Đến ngày 20/9/2018 thì ông N, bà H đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên bà T, ông Th đã liên lạc nhiều lần nhưng không tìm được. Bà T, ông Th đã niêm yết thông báo trả nợ cho ông N, bà H nhưng vẫn không có kết quả, hiện nay bà H ông N đã bỏ trốn và cố tình không trả nợ.

Nay bà T, ông Th yêu cầu vợ chồng bà H, ông N phải trả số tiền gốc vay 1.430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn bà Trương Thị H, ông Đỗ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.*

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương và Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú theo đúng quy định.

- Về hướng giải quyết vụ án: Do nguyên đơn có đầy đủ chứng cứ vay nợ do đó đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà T, ông Th, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà H, ông N phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 1.430.000.000 đồng, đối với lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chậm trả sau khi án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do nguyên đơn bà Trịnh Thị T, ông Th thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn bà Trương Thị H và ông Đỗ Văn N cùng trú tại: Đội 2, Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà H, ông N vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thực hiện thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Th đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông N và ông Th là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn bà H, ông N phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 1.430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu này được nguyên đơn bà T, ông Th chứng minh qua lời trình bày của mình trước đây và tại phiên tòa hôm nay cũng như các chứng cứ vay nợ ngày 18/7/2018 và giấy vay nợ ngày 21/8/2018.

[3] Qua quá trình Th thập chứng cứ cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 18/7/2018 và ngày 21/8/2018 giữa bà T, ông Th với bà H, ông N có thực hiện giao dịch dân sự, cụ thể:

Vào ngày 18/7/2018 vợ chồng bà Trương Thị H, ông Đỗ Văn N có vay của bà T, ông Th số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay, mục đích vay để làm ăn, không ghi thời hạn trả nợ nhưng có thỏa Thận khi nào lấy lại báo trước cho bà H, ông N biết.

Ngày 21/8/2018 bà H, ông N vay tiếp số tiền 1.000.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay nhưng có thỏa Thận khi nào lấy báo trước cho bà H, ông N. Tổng cộng số tiền vay 1.500.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy viết tay do vợ chồng ông N, bà H ký nhận. Sau khi vay đến ngày 07/9/2018 bà H, ông N có trả cho vợ chồng bà T, ông Th số tiền gốc 70.000.000 đồng, vợ chồng ông Th, bà T yêu cầu trả hết số nợ còn lại là 1.430.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà H ông N vẫn không trả. Đến ngày 20/9/2018 thì bà T, ông Th phát hiện vợ chồng bà H, ông N đã bỏ trốn khỏi địa phương, bà T, ông Th đã liên lạc nhiều lần nhưng không được, do đó bà T, ông Th đã niêm yết thông báo yêu cầu trả nợ cho ông N, bà H nhưng vẫn không có kết quả trả lời từ phía ông N, bà H.

Nay bà T, ông Th yêu cầu vợ chồng bà H ông N phải trả số tiền gốc vay 1.430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định việc giao dịch vay mượn tài sản giữa bà H ông N với bà T ông Th là có thật và sau khi vay nợ bà H, ông N đã cố tình không trả nợ, Tòa án đã xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo tìm kiếm bà H ông N trên phương tiện thông tin đại chúng theo thủ tục giải quyết việc dân sự và đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm nhưng bà H ông N vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Quá trình thu thập chứng cứ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Phú thể hiện bà H, ông N thừa nhận có vay của bà T, ông Th và một số người khác chưa trả nợ và hiện nay bà H đã thừa nhận còn nợ lại của vợ chồng ông Th, bà T số tiền 1.430.000.000 đồng và không có khả năng trả nợ và khi vắng mặt có trình báo Công an việc vắng mặt tại địa phương.

Từ các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày

18/7/2018 và ngày 21/8/2019 vợ chồng ông N, bà H có vay của ông Th, bà T tổng số tiền 1.500.000.000 đồng và đã trả 70.000.000 đồng hiện nay còn nợ lại số tiền 1.430.000.000 đồng chưa trả. Nay bà T, ông Th yêu cầu bà H, ông N trả số tiền nợ 1.430.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với lãi suất bà T, ông Th không yêu cầu, xét thấy việc không yêu cầu tính lãi suất là sự tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, ông Th đối với số tiền 1.430.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà H, ông N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu án phí cụ thể: 36.000.000 đồng + (3% x 630.000.000 đồng) = 54.900.000 đồng.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Trịnh Thị T và ông Vũ Xuân Th.

Buộc bà Trương Thị H, ông Đỗ Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T, ông Th số tiền gốc vay là 1.430.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, ông Th không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trương Thị H, ông Đỗ Văn N phải chịu án phí: 54.900.000 đồng.

2.2. Bà Trịnh Thị T, ông Th không phải chịu án phí, trả lại cho bà T, ông Th số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024997 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND , VKSND tỉnh Bình Phước;
- CC THADS H. Đồng Phú;
- VKSND Đồng Phú;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỶNH TÒA